TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DSPT

Ngày 11 - 3 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, ông Trần Duy Tuấn
- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLPT- DS ngày 06/01/2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2025/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐ-PT ngày 21/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1981 (có mặt); địa chỉ: NTT, tổ dân phố X, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn:

+ Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn Z, xã K, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;

+ Bà Võ Thị N, sinh năm 1981 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn 5A, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn PT, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị P (vắng mặt); địa chỉ: Thôn Z, xã K, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Tôi với ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị N có mối quan hệ quen biết trong việc làm ăn, ông T, bà N hỏi tôi mượn tiền để làm ăn thì tôi đồng ý. Vào ngày 14/6/2022, tôi cho ông T, bà N vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), hai bên thoả thuận lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn trả nợ gốc và lãi là vào ngày 14/7/2022. Tôi đã giao tiền, ông T, bà N nhận tiền và ký vào Giấy vay tiền. Khi vay tiền, ông T, bà N có thế chấp cho tôi 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m², do Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2014, mang tên ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị P (việc thế chấp quyền sử dụng đất không qua bảo đảm).

Đến ngày 15/6/2022, bà Võ Thị N vay tiếp của tôi số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn trả nợ gốc và lãi là vào ngày 15/7/2022. Tôi đã giao tiền, bà N nhận tiền và ký vào Giấy vay tiền.

Đến thời hạn trả nợ nhưng ông T, bà N không có trách nhiệm trả nợ số tiền vay gốc cũng như lãi suất cho tôi. Tôi đã gặp ông T, bà N nhiều lần để đòi nợ nhưng họ cứ khất lần và cố tình dây dưa không trả.

Như vậy khả năng tôi lấy được số tiền cho ông T, bà N vay rất khó khăn, vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Păc giải quyết:

Buộc ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị N phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm triệu đồng) và lãi suất theo thoả thuận và lãi suất theo quy định của pháp luật là 19.000.000 đồng (lãi suất 2.000đ/triệu/tháng, được tính từ ngày 14/6/2022 đến 14/7/2022; lãi suất 1,66% tính từ ngày 15/7/2022 đến ngày khởi kiện là 15/11/2022). Tổng cộng số tiền ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị N phải trả cho tôi là 169.000.000 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Buộc bà Võ Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 220.000.000 đồng và lãi suất theo thoả thuận và lãi suất theo quy định của pháp luật là 26.728.000 đồng (lãi suất 2.000 đồng/triệu/tháng, được tính từ ngày 15/6/2022 đến 15/7/2022; lãi suất 1,66% tính từ ngày 16/7/2022 đến ngày khởi kiện).

**** Bị đơn bà Võ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.***

**** Bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:***

Giữa tôi (T) với bà Võ Thị N và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ làm ăn với nhau. Do chị Võ Thị N gặp khó khăn trong làm ăn nên có nguyện vọng muốn vay tiền của chị Nguyễn Thị H, chị H đồng ý nhưng cần phải có tài sản đảm bảo, vì vậy tôi đã dùng tài sản chung của vợ chồng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m², do Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2014, mang tên ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị P để bảo lãnh cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng. Việc này vợ tôi là Võ Thị P không hề hay biết. Vì vậy ngày 14/6/2022 giữa tôi,

bà H và chị N có viết 01 Giấy uỷ quyền bìa đỏ, nội dung là do bà Nguyễn Thị H viết và ký; chữ ký bên người uỷ quyền bìa là do tôi (Hoàng Văn T ký), bên cạnh còn có chữ ký của bà Võ Thị N. Đối với nội dung trong giấy ủy quyền thì tôi thống nhất dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m², do Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2014, mang tên ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị P để bảo lãnh cho bà Võ Thị N vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng. Khi viết thỏa thuận chúng tôi có thống nhất là bà N phải trả 50.000.000 đồng cho bà H và có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận cho chúng tôi. Khi viết giấy tôi có giao cho bà Nguyễn Thị H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151023.

Nay tôi hoàn toàn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H bởi các lý do sau:

- Tôi chỉ bảo lãnh cho bà N vay của bà H số tiền là 50.000.000 đồng chứ không có việc tôi vay tiền của bà H 150.000.000 đồng, số tiền trong giấy ủy quyền bìa đỏ ngày 14/6/2022 là do bà H ghi thêm, không có việc tôi đã nhận của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Nội dung trong giấy ủy quyền bìa đỏ ngày 14/6/2022 là có sửa đổi. Cụ thể là ghi thêm dòng "Tôi đồng ý đem bìa đỏ cho chị Nguyễn Thị H vay tiền"; "Hoàng Văn T nhận tiền rồi" và số tiền 50.000.000 đồng được thêm vào số 1 thành 150.000.000 đồng nên chữ số "150.000.000 đồng" và chữ viết :1 trăm năm mươi triệu đồng" có sự trùng lặp.

Vì vậy việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu khởi kiện tôi phải có trách nhiệm dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m², do Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2014 để đảm bảo cho việc thi hành án đối với khoản vay của bà Võ Thị N và khoản vay của của tôi là hoàn toàn vô lý, đây là tài sản chung của vợ chồng tôi, tôi có bảo lãnh cho chị N vay tiền số tiền 50.000.000 đồng của chị H. Nghĩa vụ trả nợ là của chị Võ Thị N vì vậy tôi không đồng ý dùng tài sản chung của vợ chồng để đảm bảo thi hành án đối với khoản vay của bà N.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị P trình bày:***

Tôi (P) không biết gì về quan hệ vay mượn giữa bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị N. Thời gian sau này tôi mới biết là chồng tôi (anh Hoàng Văn T) đã dùng tài sản chung của vợ chồng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m², do Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2014, mang tên ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị P để bảo lãnh cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng. Nhưng việc đã rồi nên tôi cũng không muốn trách móc chồng.

Nội dung khởi kiện của bà H là hoàn toàn vô lý bởi các lý do sau:

- Anh Hoàng Văn T chỉ bảo lãnh cho bà N vay của bà H số tiền là 50.000.000 đồng chứ không có việc anh T vay tiền của bà H 150.000.000 đồng, số tiền trong giấy ủy quyền bìa đỏ ngày 14/6/2022 là do bà H ghi thêm, không có việc anh T đã nhận của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H.

Vì vậy việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu khởi kiện buộc anh T phải có trách nhiệm dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ

số 16, diện tích 355m², do Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2014 của gia đình tôi để đảm bảo cho việc thi hành án đối với khoản vay của bà Võ Thị N là hoàn toàn vô lý, đây là tài sản chung của vợ chồng tôi, anh T có bảo lãnh cho chị N vay tiền số tiền 50.000.000 đồng của chị H, Nghĩa vụ trả nợ là của chị Võ Thị N vì vậy tôi không đồng ý dùng tài sản chung của vợ chồng để đảm bảo thi hành án đối với khoản vay của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của TAND huyện Krông Pắc đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Về khoản nợ: Buộc bị đơn bà Võ Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc và 46.566.666 đồng tiền lãi. Tổng cộng là **266.566.666** đồng *(Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng đối với khoản vay 220.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với việc yêu cầu ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị N trả số tiền 169.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m², do ủy ban nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/02/2014 mang tên ông Hoàng Văn T, bà Võ Thị P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2024, bà Nguyễn Thị H kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 30/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của TAND huyện Krông Pắc đề nghị cấp phúc thẩm tuyên buộc ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp bà Võ Thị N không có điều kiện trả nợ. Đồng thời xem xét số tiền 150.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo: Đề nghị xem xét đối với trách nhiệm của

ông T trong khoản vay 50 triệu đồng. Ngoài ra không còn kháng cáo nội dung nào khác.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của TAND huyện Krông Pắc, theo hướng buộc bà N có trách nhiệm phải trả cho bà H khoản tiền vay 50.000.000 đồng (theo giấy ủy quyền bìa đỏ ngày 14/6/2022) và lãi suất đối với thời gian chậm trả đối với số tiền 50.000.000 đồng. Trong trường hợp bà N không thi hành được thì buộc người bảo lãnh là ông T phải có trách nhiệm đứng ra trả cho bà H thay bà N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần 2, HĐXX xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đề nghị cấp phúc thẩm tuyên buộc ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp bà Võ Thị N không có điều kiện trả nợ. Đồng thời xem xét số tiền 50.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh, HĐXX thấy rằng:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất.

Xét văn bản "Giấy ủy quyền bìa đỏ để vay tiền thế chấp" ngày 14/6/2022 (Bút lục số 30) có nội dung: Chồng Hoàng Văn T và vợ Võ Thị P có ủy quyền cho em Võ Thị N cầm một bìa đỏ mang tên Hoàng Văn T, Võ Thị P, hai bên có ủy quyền cho N cầm bìa đỏ BR 151023, thửa đất số 2, tờ bản đồ 16 diện tích 355m^2, cấp ngày 24/2/2014 có vay của bà Nguyễn Thị H khối 1 thị trấn E 150.000.000 đồng.

Căn cứ bản Kết luận giám định số: 875/KL-KTHS ngày 25/7/2024, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. Trên mặt 2 mẫu cần giám định ký hiệu A, xác định các dòng chữ có nội dung sau đây là chữ viết thêm:

+ chữ viết nội dung "tôi đồng ý đem bìa đỏ cho chị Nguyễn Thị H vay tiền" (bên phải dòng chữ "Hoàng Văn T, vợ Võ Thị P" tại dòng thứ 8, 9 tính từ trên xuống);

+ Chữ số "1" trong cụm "150.000.000", chữ viết nội dung "một trăm năm mươi triệu" (tại dòng thứ 16 tính từ trên xuống);

+ Chữ viết nội dung "1 trăm", "150.000.000 Hoàng văn tài nhận" (phía trước và phía sau chữ viết "Năm mươi triệu" tại dòng thứ 17 tính từ trên xuống);

+ Chữ viết "tiền Rồi" (phía trước dòng chữ "2 bên thỏa thuận thế chấp bìa cho bà" tại dòng thứ 18 tính từ trên xuống);

+ Chữ viết "cầm cho bà Nguyễn Thị H" (phía sau chữ "chiếc bìa đỏ trên" tại dòng thứ 20 tính từ trên xuống);

+ Chữ viết "14T6 Năm 2022 người được quyền cầm" (tại dòng thứ 21, 22 tính từ trên xuống), chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị H", "võ thị nga" phần cuối cùng mặt 2.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết nội dung "Để vay tiền THẾ chấp" (phía dưới dòng chữ "GIẤY ỦY QUYỀN bìa đỏ" tại dòng thứ 3 tính từ trên xuống); Chữ viết nội dung "từ ngày 14T6 đến 14T7 Năm 2022, tôi trả cả lãi gốc" (tại dòng thứ 13, 14 tính từ trên xuống) trên mặt 2 mẫu cần giám định ký hiệu A có phải là chữ viết thêm hay không.

Căn cứ vào kết quả giám định trên thì nội dung giấy ủy quyền có sự viết thêm. Trong khi ông T chỉ thừa nhận ông có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR151023 cho bà H để đảm bảo cho bà N vay số tiền 50.000.000 đồng chứ không có việc ông vay tiền của bà H. Giấy ủy quyền bìa đỏ để đảm bảo cho việc bà H sẽ cho bà N vay 50.000.000 đồng chứ không phải là giấy vay tiền theo mẫu mà bà H sử dụng để cho vay (mẫu giấy vay ngày 15/2/2022 bà H đã cho bà N vay 220 triệu đồng). Như vậy không đủ cơ sở xác định giấy ủy quyền bìa đỏ là giấy vay tiền nên không có căn cứ để buộc ông T và bà N phải trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng cùng lãi suất.

[2.2]. Về kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên buộc ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp bà Võ Thị N không có điều kiện trả nợ, HĐXX thấy rằng: Trong "Giấy ủy quyền bìa đỏ để vay tiền thế chấp" ngày 14/6/2022 và lời khai của ông T thể hiện chỉ có ông T đồng ý thế chấp QSDĐ cho bà H để đảm bảo cho khoản vay 50.000.000 đồng của bà N, trong khi không có sự đồng ý của bà P. Việc thế chấp QSDĐ giữa ông T và bà H cũng không lập Hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật, không đăng ký giao dịch bảo đảm nên không phát sinh hiệu lực, do đó không có căn cứ để xử lý tài sản thế chấp là QSDĐ của ông T khi bà N không trả được nợ cho nguyên đơn.

Từ nhận định trên thấy rằng kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không có căn cứ mà cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của TAND huyện Krông Pắc.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của TAND huyện Krông Pắc.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Về khoản nợ: Buộc bị đơn bà Võ Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc và 46.566.666 đồng tiền lãi. Tổng cộng là **266.566.666** đồng *(Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).*

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng đối với khoản vay 220.000.000 đồng.

[2.3]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với việc yêu cầu ông Hoàng Văn T và bà Võ Thị N trả số tiền 169.000.000 đồng.

[2.4]. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR151023, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, diện tích 355m^2, do ủy ban nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/02/2014 mang tên ông Hoàng Văn T, bà Võ Thị P.

[2.5]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 103 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc bị đơn bà Võ Thị N phải chịu 4.860.000 đồng chi phí giám định. Bà Võ Thị N phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.860.000 đồng.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.140.000 đồng chi phí giám định.

[2.6]. Về án phí:

[2.6.1]. Án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn bà Võ Thị N phải chịu 13.328.000 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 8.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.420.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0016727 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 1.685.000 đồng.

[2.6.2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006026 ngày 24/9/2024 của Chi cục THADS huyện KP.

[2.7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện KP;
- Đương sự;
- Cổng TTĐTTA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đình Triết